TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2023/DS-PT Ngày 13-12-2023 V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Ông Nguyễn Anh Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023.

Do bản án dân sự số 71/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2023/QĐ-PT ngày 30-10-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2023/QĐ-PT ngày 17-11-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Tổng công ty cổ phần B. Địa chỉ trụ sở: Số I đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y - chức vụ: Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang Đ và ông Hồ Đình Q - Chức vụ: Chuyên viên pháp chế - Tổng công ty cổ phần B

- *Người kháng cáo:* bị đơn Tổng công ty cổ phần B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt Bà Hoàng Thị T và ông Hồ Đình Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn C là bà Hoàng Thị T trình bày:

Anh Nguyễn Văn C mua bảo hiểm cho bản thân thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty B1 là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Gói bảo hiểm mua cho anh Nguyễn Văn C thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B.

Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Nguyễn Văn C đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Việc anh Nguyễn Văn C mua bảo hiểm đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm có các nội dung cụ thể như sau:

- Người mua bảo hiểm là anh Nguyễn Văn C; người được bảo hiểm là anh Nguyễn Văn C.

- Thời hạn bảo hiểm đối với anh Nguyễn Văn C là 12 tháng, tính từ ngày 01-3-2022 đến ngày 01-3-2023.

- Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được anh Nguyễn Văn C đóng toàn bộ một lần vào ngày 28-02-2022.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn C đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 2 vào ngày 14-12-2021 tại Trạm Y tế xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đến ngày 12-3-2022 thì anh Nguyễn Văn C được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu

xét nghiệm PCR của Công ty TNHH T1 - Phòng khám Đ1. Ngày 12-3-2022, anh Nguyễn Văn C được đưa vào điều trị tại "Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh T" để điều trị bệnh Covid-19. Đến ngày 21-3-2022 anh Nguyễn Văn C được ra viện.

Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, anh Nguyễn Văn C đã làm thủ tục thông báo việc mình bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho Tổng công ty cổ phần B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của anh Nguyễn Văn C đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B ngay trong tháng 3/2022. Ngoài việc khai báo online, anh Nguyễn Văn C còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho Tổng công ty cổ phần B theo đường bưu chính.

Ngày 04-6-2022, Tổng công ty cổ phần B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho anh Nguyễn Văn C là 12.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn C không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho bà là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của anh Nguyễn Văn C đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là anh Nguyễn Văn C đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của anh Nguyễn Văn C không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022 của Tổng công ty cổ phần B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng công ty cổ phần B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của bà từ ngày 29-3-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 13-4-2022, ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả tiền là từ ngày 14-4-2022. Vì vậy Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 14-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của anh Nguyễn Văn C.

Hiện tại, anh Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của anh Nguyễn Văn C là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày 14-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho trường hợp của anh Nguyễn Văn C.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tổng công ty cổ phần B) là ông Phạm Quang Đ trình bày:

Ngày 28-02-2022 anh Nguyễn Văn C đã mua bảo hiểm cho bản thân thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Nguyễn Văn C được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Anh Nguyễn Văn C đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022. Thời hạn bảo hiểm đối với anh Nguyễn Văn C là 12 tháng, tính từ ngày 01-3-2022 đến ngày 01-3-2023. Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, đã được anh Nguyễn Văn C đóng toàn bộ vào ngày 28-02-2022.

Sau khi anh Nguyễn Văn C bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh T, anh Nguyễn Văn C đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Tổng công ty cổ phần B cũng đã nhận được bộ hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Nguyễn Văn C, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của anh Nguyễn Văn C từ ngày 29-3-2022. Tổng công ty cổ phần B không yêu cầu anh Nguyễn Văn C bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Anh Nguyễn Văn C mắc Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm "PTI VỮNG TÂM AN +". Tuy nhiên do anh Nguyễn Văn C bị mắc bệnh Covid-19 sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y1 đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì anh Nguyễn Văn C mắc Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường hợp của anh Nguyễn Văn C là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tổng công ty cổ phần B đã thông báo đồng ý hỗ trợ cho anh Nguyễn Văn C số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nhưng anh Nguyễn Văn C không đồng ý.

Tại bản án số 71/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định.

- Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 17; Điều 22; Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1.1. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

1.2. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 14-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 20-7-2023 là 3.040.000 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 21-7-2023) cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C về việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C về việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền phát sinh chi phí đi lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự và lãi suất chậm trả do chậm thi hành bản án.

Ngày 24-7-2023 người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần B kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty cổ phần B giữ nguyên nội dung kháng cáo là không chấp nhận thanh toán số tiền 24.000.000 đồng và số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm 24.000.000 đồng kể từ ngày 14-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 20-7-2023 là 3.040.000 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Vì căn cứ Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 do Bộ Y1 đã ban

hành để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19. Anh C thuộc nhóm bệnh có nguy cơ trung bình, anh C 37 tuổi, đã được tiêm ngừa Covid-19 nên thuộc trường hợp chăm sóc tại nhà dưới sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Khách hàng không sử dụng loại thuốc theo hướng dẫn của Bộ Y1 điều trị Covid-19 nên không thỏa mãn điều kiện của quỹ hỗ trợ "Nằm viện điều trị" dịch bệnh. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định để phân loại đối tượng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của PTI. Về yêu cầu tính lãi thì ngày 04-6-2022 PTI đã có thông báo đưa phương án và khoản tiền hỗ trợ cho anh C là 12.000.000 đồng nhưng anh C không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Do vậy, việc tính lãi suất của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định kể từ ngày 14-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm cho anh Nguyễn Văn C là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) và trả lãi đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày 14-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 20-7-2023 là 3.040.000 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu thu thập lưu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm cho anh Nguyễn Văn C là 24.000.000 đồng và trả lãi đối với số tiền bảo hiểm chậm trả với tổng số tiền là 3.040.000 đồng là có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

Án phí phúc thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của các đương sự:

[1] Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cổ phần B làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

2.1. Về người tham gia tố tụng: Sau khi đưa vụ án ra xét xử Tổng công ty cổ phần B thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Kim L sang bà Hoàng Thị Y, sau đó bà Y ủy quyền cho ông Phạm Quang Đ và ông Hồ Đình Q tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy thủ tục tố tụng của Tổng công ty cổ phần B là đảm bảo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

2.2. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án: Anh C ký hợp đồng bảo hiểm với Tổng công ty cổ phần B, quá trình thực hiện hợp đồng xảy ra tranh chấp, anh C khởi kiện Tổng công ty cổ phần B với các nội dung liên quan đến thực hiện hợp đồng của Tổng công ty cổ phần B nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

2.3. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA- PLUS/2022 ngày 28-02-2022 thì anh Nguyễn Văn C giao kết hợp đồng bảo hiểm với Công ty B1, thuộc Tổng công ty cổ phần B. Theo đơn khởi kiện, anh Nguyễn Văn C đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh giao kết hợp đồng bảo hiểm để giải quyết tranh chấp, các đương sự không có thỏa thuận về lựa chọn tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B:

3.1. Đối với yêu cầu trả tiền bảo hiểm: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn C buộc Tổng công ty cổ phần B phải thanh toán số tiền bảo hiểm 24.000.000 đồng.

3.1.1. Về việc giao kết hợp đồng: Ngày 28-02-2022 anh Nguyễn Văn C mua bảo hiểm thông qua hình thức mua bảo hiểm điện tử với Công ty B1 là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Sau khi anh C đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty cổ phần B1 đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Người mua bảo hiểm là anh Nguyễn Văn C, người được bảo hiểm là anh Nguyễn Văn C; thời hạn bảo hiểm đối với anh Nguyễn Văn C là 12 tháng tính từ ngày 01-03-2022 đến ngày 01-3-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo

hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm.

Việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B cho anh C đã chứng minh các điều khoản thỏa thuận giữa hai bên đã xong, hợp đồng đã được ký kết. Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa anh Nguyễn Văn C và Tổng công ty cổ phần B là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B đối với anh Nguyễn Văn C phát sinh từ ngày 01-3-2022 đến ngày 01-3-2023.

3.1.2. Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm ngày 12-3-2022 của Công ty TNHH T1 - Phòng khám Đ1 thì anh Nguyễn Văn C bị mắc bệnh Covid-19 việc xét nghiệm bằng phương pháp PCR. Như vậy, anh Nguyễn Văn C đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 12 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 01-3-2022. Căn cứ bảng kê chi phí điều trị nội trú của cở Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh T thì xác định sau khi bị nhiễm Covid 19 anh C đã điều trị tại đây từ ngày 12-3-2022 đến ngày 21-3-2022. Như vậy sự kiện bảo hiểm đã xảy ra trên thực tế và anh C thuộc trường hợp được PTI chi trả bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022 và phụ lục kèm theo.

3.1.3. Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Từ nhận định trên thì Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là anh Nguyễn Văn C theo quy định của hợp đồng bảo hiểm. Do anh Nguyễn Văn C bị mắc bệnh C1 - 19 khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022 thì số tiền bảo hiểm cho trường hợp anh Nguyễn Văn C là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng). Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng công ty Cổ phần B có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng là có căn cứ.

Tổng công ty Cổ phần B cho rằng hồ sơ của khách hàng không điều trị theo phác đồ của Bộ Y1 theo hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị Covid-19 tại Quyết định số 250/QĐ-BYT ngày 28.01.2022 nên không thỏa mãn điều kiện của quỹ hỗ trợ "Nằm viện điều trị" dịch bệnh. Xét thực tế sự kiện bảo hiểm đã xảy ra, anh C đã cung cấp toàn bộ hồ sơ cho Tổng công ty Cổ phần B theo yêu cầu và đúng thỏa thuận, trong thỏa thuận cũng không đề cập đến vấn đề này. Tổng công ty Cổ phần

B sau khi nhận hồ sơ không yêu cầu anh C bổ sung thông tin gì thêm nên quan điểm của Tổng công ty Cổ phần B không được chấp nhận.

3.2. Đối với yêu cầu Tổng công ty cổ phần B trả tiền bảo hiểm chậm trả.

3.2.1. Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001900/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 28-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện Tổng công ty cổ phần B thì Tổng công ty cổ phần B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của anh Nguyễn Văn C vào ngày 29-3-2022 không yêu cầu anh C phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm cho anh C là ngày 13-4-2022. Do Tổng công ty cổ phần B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 14-4-2022 cho đến ngày xét xử (20-7-2023) (Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (20-7-2023) là 24.000.000 đồng x 10%/12 tháng x 15 tháng 06 ngày = 3.040.000 đồng (ba triệu bốn mươi nghìn đồng).

3.2.2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phúc thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí: Tổng công ty cổ phần B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng PTI đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định theo biên lai số 0000285 ngày 26-7-2023, PTI đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Cảnh